SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 1336 /XN - KSBT

Ngày trả kết quả: 21/11/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước ăn uống, sinh hoạt
Nhận diện mẫu: N03/11/11/19
Vị trí lấy mẫu: Nước Vòi phát
Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước Thủy Long
Địa chỉ: Xã Vũ Ninh- Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình
Người lấy mẫu: Ks. Nguyễn Duy Minh - Khoa xét nghiệm CĐHA & TD CN - Trung tâm KSBT
Ngày lấy mẫu: Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Yêu cầu thử nghiệm: Chất lượng nước theo QCVN 01: 2018/BYT

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn cho phép
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	<0,6(b)	**15**
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3.	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	0,21	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,85	**6,0-8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0011(b)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2011	mg/L	0,50	**0,2-1,0**
7.	Hàm lương Amoni (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,028(b)	**0,3**
8.	Hàm lượng Stibium (Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0016 (b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,36 (b)	**0,7**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,00063 (b)	**0,003**
11.	Hàm lượng Chì (Pb)(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,003 (b)	**0,01**
12.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	1,65	**2**
13.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	<5,0(a)	**250**
14.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,00066 (b)	**0,05**
15.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,05(b)	**1**
16.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	92,0	**300**

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

17.	Hàm lượng Fluorid(*)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	<0,039(b)	**1,5**
18.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,033(b)	**2**
19.	Hàm lượng Mangan(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	**0,1**
20.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	3,39	**200**
21.	Hàm lượng Nitrat(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,79	**2**
22.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,016(b)	**0,05**
23.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,016(b)	**0,3**
24.	Hàm lượng Selen (Se)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,00066(b)	**0,01**
25.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	5,09	**250**
26.	Hàm lượng sunfua	SMEWW4500 : 2017	mg/L	<0,02(b)	**0,05**
27.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112:2017	mg/L	<0,00066(b)	**0,001**
28.	Tổng chất rắn hòa tan TDS	SMEWW2540C:2017	mg/L	118,0	**1000**
29.	Hàm lượng Xyanua	TCVN 6181: 1996	mg/L	<0,0062(b)	**0,05**
30.	Hàm lượng Bromat	EPA Menthod 300	mg/L	<0,016(b)	**10**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn cho phép
1	Coliforms(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	**< 3**
2	E.coli(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	**<1**
3	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	**<1**
4	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	**<1**

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện*

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: $LOD_{E.coli, Coliforms}$: 01 CFU/100ml

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm*
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2005*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 1337 /XN - KSBT

Ngày trả kết quả: 21/11/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước ăn uống, sinh hoạt
Nhận diện mẫu: N04/11/11/19
Vị trí lấy mẫu: Nước GĐ Bác Lại Kim Ngân - Hòa Bình - Vũ Ninh - Kiến Xương
Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước Thủy Long
Địa chỉ: Xã Vũ Ninh- Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình
Người lấy mẫu: Ks. Nguyễn Duy Minh - Khoa xét nghiệm CĐHA & TD CN - Trung tâm KSBT
Ngày lấy mẫu: Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Yêu cầu thử nghiệm: Chất lượng nước theo QCVN 01: 2018/BYT

VILAS 629

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn cho phép
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	<0,6(b)	**15**
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3.	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	0,20	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,82	**6,0-8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0011(b)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2011	mg/L	0,40	**0,2-1,0**
7.	Hàm lương Amoni (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,028(b)	**0,3**
8.	Hàm lượng Stibium (Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0016 (b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,36 (b)	**0,7**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,00063 (b)	**0,003**
11.	Hàm lượng Chì (Pb)(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,003 (b)	**0,01**
12.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	1,58	**2**
13.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	<5,0(a)	**250**
14.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,00066 (b)	**0,05**
15.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,05(b)	**1**
16.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	92,0	**300**

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

17.	Hàm lượng Fluorid(*)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	<0,039(b)	**1,5**
18.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,033(b)	**2**
19.	Hàm lượng Mangan(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	**0,1**
20.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	3,31	**200**
21.	Hàm lượng Nitrat(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,79	**2**
22.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,016(b)	**0,05**
23.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,016(b)	**0,3**
24.	Hàm lượng Selen (Se)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,00066(b)	**0,01**
25.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	5,09	**250**
26.	Hàm lượng sunfua	SMEWW4500 : 2017	mg/L	<0,02(b)	**0,05**
27.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112:2017	mg/L	<0,00066(b)	**0,001**
28.	Tổng chất rắn hòa tan TDS	SMEWW2540C:2017	mg/L	119,0	**1000**
29.	Hàm lượng Cyanua	TCVN 6181: 1996	mg/L	<0,0062(b)	**0,05**
30.	Hàm lượng Bromat	EPA Menthod 300	mg/L	<0,016(b)	**10**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn cho phép
1	Coliforms(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	< 3
2	E.coli(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	<1
3	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	<1
4	Ps. aeruginosa	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	<1

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện*
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: $LOD_{E.coli,\ Coliforms}$: 01 CFU/100ml

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2005*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*